TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST Ngày: 12-6-2019 "V/v Tranh chấp ly hôn"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Trọng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh.
2. Bà Võ Lệ Huyền.

-Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 482/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu Th, sinh năm 1992.

Hộ khẩu thường trú: 68/7 Huỳnh Văn B, phường 15, Quận PN, TP HCM.

Chổ ở hiện nay: 1549/58, Dường L, An PĐ, Quận 12, TP HCM.

Bị đơn: Anh Nguyễn Trung N, sinh năm 1981.

Hộ khẩu thường trú: Thôn Tr Ng, xã Ng Th, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Chổ ở hiện nay: Cơ Sở cai nghiện ma túy số 3, tỉnh Bình Dương.

(Chị Th và anh N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn, chị Lê Thị Thu Th trình bày: Sau khi tìm hiểu nhau được một thời gian thì chị Th và anh N đi đến chung sống với nhau vào năm 2011. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 9 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Ng Th, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc nhưng từ giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N nghiện ma túy nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, từ khi anh N bị bắt đưa đi cai nghiệm ma túy thì vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau và từ đó chị Th về bên gia đình cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2018 cho đến nay. Sau khi anh N bị đưa đi cai nghiện thì vợ chồng không liên lạc và gặp nhau để hàn gắn lại hạnh phúc. Nay chị Th xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu Th yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Trung N.

Về nuôi con chung: Chị Th và anh N có 01 người con chung là Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 03-1-2014. Chị Th có nguyện vọng được quyền nuôi dưỡng và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai thì anh Nguyễn Trung N trình bày: Anh Nguyễn Trung N và bà Lê Thị Thu Th là vợ chồng và có đăng ký kết hôn. Từ khi sống cùng với nhau anh Nguyễn Trung N cố gắng làm ăn xây dựng gia đình chưa yêu cầu chị Th phải làm gì để phụ giúp cho kinh tế gia đình. Do năm 2018 anh N sử dụng trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân Quận 12, TP Hồ Chí Minh xử phạm cai nghiệm bắt buột 15 tháng tại cở sở cai nghiện số 3, tỉnh Bình Dương. Hiện nay anh N đang chấp hành cai nghiện tại cơ sở số 03, tỉnh Bình Dương. Do anh N có hành vi trái pháp luật nên tình cảm vợ chồng đã bị rạn nứt, và không thể níu kéo được. Nay chị Th yêu có cầu ly hôn thì anh N chấp nhận.

Về con chung: Anh N và chị Th có 01 người con chung là Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 03-1-2014. Anh N có nguyện vọng được quyền nuôi dưỡng và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và điều có yêu cầu Tòa án nhân dân xét xử vắng mặt họ.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của vợ chồng.

Về nuôi con chung: Giao Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 03-1-2014 cho chị Th được quyền nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Chị Th và anh N không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng*:* Chị Th và anh N sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay chị Th yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của anh N là xã Ng Th, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Th và anh N vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Th và anh N trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 26 tháng 11 năm 2011 tại UBND xã Ng Th, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh N sử dụng trái phép chất ma túy dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cải vã. Sau đó anh N bị bắt đi cai nghiện từ đó vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Từ khi anh N đi cai nghiện vợ chồng không quan tâm đến nhau và cũng không gặp nhau để hàn gắn lại hạnh phúc. Từ đó tình cảm vợ chồng bị rạn nứt gây mất hạnh phúc gia đình nên chị Th và anh N đồng ý ly hôn.

Như vậy, giữa chị Th và anh N xảy ra mâu thuẫn là có thật, đã kéo dài không được hòa giải được và ngày càng trầm trọng. Hiện nay vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nghĩ nên áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Th và anh N.

[3] Về nuôi con chung: Chị Th và anh N có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 03-1-2014. Mặc dù chị Th và anh N thỏa thuận cho anh N

được tiếp tục nuôi dưỡng. Nhưng hiện nay anh N đang cai nghiện tại cơ sở số 3, tỉnh Bình Dương nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho cháu Tr được. Vì vậy căn cứ khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nghĩ nên giao con cho chị Th nuôi dưỡng là có căn cứ. Nếu sau này anh N cai nghiện trở về có yêu cầu nuôi con thì các bên được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định theo điều 84 Luật hôn nhân và gia đình về việc thay đổi nuôi con. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về chia tài sản chung: Chị Th không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Th, ông N mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

1.Về hôn nhân: Ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thu Th và anh Nguyễn Trung N.

2.Về nuôi con chung: Chị Lê Thị Thu Th và anh Nguyễn Trung N có 01 người con chung là Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 03-01-2014.

Giao con chung là Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 03-01-2014cho chị Lê Thị Thu Th trực tiếp nuôi dưỡng; Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Thu Th không yêu cầu anh Nguyễn Trung N cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Trung N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.Về án phí: Chị Lê Thị Thu Th, anh Nguyễn Trung N mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm mươi ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn. Số tiền án phí của chi Th được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà chị Th đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0005921 ngày 28 tháng 12 năm 2018; Hoàn Lại cho chị Lê Thị Thu Th số tiền 150,000đ(một trăm năm mươi ngàn đồng) chị Th đã nộp xong án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12-6-2019), đối với chị Lê Thị Thu Th và anh Nguyễn Trung N vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi gởi:
- TAND Tỉnh BR- VT;
- VKSND H.CĐ;
- Các Đương sự;
- THADS H.CĐ;
- UBND xã Ng Th;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

ĐÀO TRỌNG HẢI